

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG SƠN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30/6/2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Bình

Ông Nguyễn Văn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện sát nhân dân huyện Đông Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt Quế - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 08/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1997 (Có mặt)

Nơi ĐKKH: Thôn Phúc Tr, xã Đông Th, huyện Đông S, Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Thôn 4, xã Thiệu Tr, huyện Thiệu H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1991 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Phúc Tr, xã Đông Th, huyện Đông S, Thanh Hóa.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1962 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Phúc Tr, xã Đông Th, huyện Đông S, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06/01/2023, bản tự khai nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Ch tự nguyện kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thiệu Tr, huyện Thiệu H ngày 14/12/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến tháng 8/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Ch không chịu làm ăn, chị H có góp ý nhưng anh Ch không nghe mà còn chửi bới, đánh đập chị. Bố mẹ anh Ch lại còn bênh vực anh Ch và đánh đập chị H đến mức chính quyền địa phương phải can thiệp. Chị H đã cố gắng chịu đựng để nuôi con nhưng sức chịu đựng không còn, đến tháng

6/2021 thì chị H không thể chịu được nữa nên phải về nhà mẹ đẻ tại thôn 4, xã Thiệu Tr, huyện Thiệu H, tỉnh Thanh Hóa để ở và cũng từ đó chị H và anh Ch sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ch.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/02/2023 và biên bản hòa giải anh Nguyễn Văn Ch trình bày: Thống nhất với chị H về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, anh cũng thừa nhận vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh cũng đồng ý ly hôn chị H.

-Về con chung: Chị H và anh Ch thống nhất có 01 con chung là Nguyễn Văn Qu, sinh ngày 24/9/2019.

Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Qu và không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Ch cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Qu và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Tại đơn khởi kiện và bản tự khai chị H trình bày, chị đi lấy chồng mẹ chị và các cô, dì có tặng chị quà cưới là 4,5 chỉ vàng (vàng 9999). Bố mẹ và bên gia đình anh Ch cũng tặng vàng nhưng chị không biết là bao nhiêu. Cưới xong chị đưa toàn bộ vàng cho bố anh Ch (là ông Nguyễn Văn Đ) giữ. Nay anh chị đề nghị ông Đ trả lại cho chị 4,5 chỉ vàng, còn số vàng gia đình anh Ch tặng thì chị không yêu cầu.

Tại phiên hòa giải ngày 14/4/2023, chị H không yêu cầu ông Đức trả số vàng nêu trên.

-Về công nợ: Chị H anh Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/02/2023 và biên bản hòa giải ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông không giữ 4,5 chỉ vàng như chị H trình bày và tại buổi hòa giải 14/4/2023 chị H không yêu cầu ông trả 4,5 chỉ vàng nên ông Đ đồng ý và không có ý kiến gì.

Tại biên bản xác minh ngày 04/3/2023, theo báo cáo của ông Nguyễn Đức N trưởng thôn Phúc Tr, xã Đông Th, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa trình bày. Chị H và anh Ch có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn Phúc Tr, xã Đông Th, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thiệu Tr, huyện Thiệu H. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc, đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nhưng thời gian trước đó ông N chưa làm trưởng thôn (ông N làm trưởng thôn từ tháng 7/2022) nên mâu thuẫn giữa chị H và anh Ch như thế nào thì ông N không nắm được. Từ khi ông N làm trưởng thôn thì chị H không còn sống tại thôn Phúc Tr nữa mà đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tại thôn 4, xã Thiệu Tr, huyện Thiệu H, tỉnh Thanh Hóa cho đến nay. Chị H và anh Ch có 01 con chung, sinh năm bao nhiêu thì ông không nắm được. Hiện nay cháu đang ở cùng bố mẹ đẻ anh Ch còn anh Ch đi làm ăn xa. Ch và chị H có vay nợ ai hay cho ai vay chị H anh Ch không báo cáo nên ông cũng không nắm được.

Tại phiên toà chị H trình bày: Chị H yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Văn Qu, sinh ngày 24/9/2019 mỗi một tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Qu tròn 18 tuổi.

Anh Ch trình bày: Nếu giao cháu Qu cho anh trực tiếp nuôi dưỡng thì anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, còn nếu chị H có nguyện vọng nuôi cháu Qu thì anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ý kiến của kiểm sát viên:

- Về việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Từ khi thụ lý đến quá trình xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Pháp luật. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện VKS đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 55, 81, 82, và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn Ch.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Qu, sinh ngày 24/9/2019 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Ch có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Qu cho đến khi cháu Qu tròn 18 tuổi. Anh Ch có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở

Về tài sản chung: Đối với 4,5 chỉ vàng do mẹ và các dì của chị H tặng chị H khi chị H lấy chồng. Ngày 14/4/2023 chị H đã có đơn xin rút yêu cầu đối với tài sản này. Việc rút yêu cầu này của chị H là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về chia tài sản chung của chị H.

Về công nợ: Chị H và anh Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Ch phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, bị đơn là anh Nguyễn Văn Ch hiện đang cư trú tại thôn Phúc Tr, xã Đông Th, huyện Đông S, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn Ch kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thiệu Tr, huyện Thiệu H, tỉnh Thanh Hóa ngày 14/12/2018. Vì vậy hôn nhân giữa chị H và anh Ch là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau hạnh phúc đến tháng 8/2020 thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị H trình bày thì trong quá trình chung sống anh Ch có đánh đập chị H nhưng quá trình giải quyết vụ án chị H không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh anh Ch có hành vi bạo lực như chị H trình bày. Do vậy, không đủ căn cứ để Tòa án xác định lý do để ly hôn là có hành vi bạo lực gia đình.

Tuy nhiên, thực tế giữa chị H và anh Ch đã mâu thuẫn từ tháng 8/2020. Tháng 6/2021 chị H về nhà mẹ đẻ ở và từ đó anh chị sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, đến nay tình cảm vợ chồng không còn. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh Ch cũng đồng ý, nên áp dụng điều 55 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh Ch là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn Ch có một con chung là cháu Nguyễn Văn Qu, sinh ngày 24/9/2019. HĐXX xét thấy chị H và anh Ch đều có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Qu. Đây là nguyện vọng chính đáng của chị H và anh Ch. Tuy nhiên, khi xem xét giao cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cháu Qu thì cần xem xét, đánh giá mọi mặt nhằm đảm bảo điều kiện tốt nhất cho cháu Qu.

Xét về thu nhập, anh Ch hiện nay đang làm tại Công ty xây dựng thị công các công trình địa chỉ xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa với mức lương thu nhập hàng tháng là 5.160.000 đồng/1 tháng. Chị H hiện đang làm tạp vụ và giúp việc cho Văn phòng Công chứng Đông Sơn, huyện Đông Sơn với mức lương thu nhập hàng tháng là 5.000.000 đồng/1 tháng. Chị H anh Ch đều có thu nhập ổn định để đảm bảo nuôi cháu Qu. Tuy nhiên, theo xác minh tại địa phương thì cháu Nguyễn Văn Qu hiện đang ở với ông bà nội, anh Nguyễn Văn Ch thường xuyên đi làm ăn xa. Trong khi cháu Qu còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ, đồng thời anh Ch cũng thường đi làm ăn xa nên việc trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con sẽ không thuận lợi. Như vậy cần giao cháu Nguyễn Văn Qu cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục để đảm bảo cho cháu Qu được nuôi dưỡng tốt hơn để cháu được phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần. Anh Ch cấp dưỡng nuôi cháu Qu 1.000.000 đồng/1 tháng, kể từ tháng 8/2023 cho đến khi cháu Qu tròn 18 tuổi.

[4] Về tài sản: Tại đơn khởi kiện, chị H trình bày, ngày chị đi lấy chồng thì mẹ chị và các dì có tặng chị quà cưới là 4,5 chỉ vàng (vàng 9999). Bố mẹ và bên gia đình anh Ch cũng tặng vàng nhưng chị không biết là bao nhiêu. Cưới xong chị đưa toàn bộ vàng cho bố anh Ch (là ông Nguyễn Văn Đ) giữ. Ly hôn, chị đề nghị ông Đ trả lại 4,5 chỉ vàng, còn số vàng do gia đình anh Ch tặng thì anh Chiến giữ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì chị H rút yêu cầu về việc giải quyết đối với số vàng trên. Xét thấy việc rút yêu cầu giải quyết tài sản chung của chị H là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, Tòa án đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị H.

[5] Về công nợ: Chị H và anh Ch không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Ch phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5

Điều 27, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn Ch.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Qu, sinh ngày 24/9/2019 cho chị Trần Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Anh Nguyễn Văn Ch cấp dưỡng nuôi cháu Qu 1.000.000 đồng/1 tháng, kể từ tháng 8/2023 cho đến khi cháu Qu tròn 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn Ch có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản: Đình chỉ yêu cầu giải quyết về việc chia tài sản chung của chị Trần Thị H.

- Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền chị H đã nộp 896.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Sơn theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/005684 ngày 07/02/2023 chị H được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 596.000 đồng. Anh Ch phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo đúng quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Đông Sơn;
- UBND xã Thiệu Trung;
- CQTHADS huyện Đông Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Hà

